TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ V **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2021/KDTM-ST.
Ngày: 28 - 4 - 2021.
V/v tranh chấp HĐ vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ V, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Thanh Hồng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Lệ Hoa.

2. Bà Dương Thị Phụng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Ngô Minh Bảo - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố V tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thảo Quyên - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 4 năm 2021 tại phòng xử án, Tòa án nhân dân thành phố V tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 05/2019/TLST-KDTM, ngày 10 tháng 5 năm 2019 về *"Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2021/QĐXXST-KDTM, ngày 01 tháng 4 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng NT Việt Nam.

Địa chỉ: Số 02, đường L, phường T, quận B, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Tiết Văn T - Chức vụ: Tổng Giám đốc

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Võ Thanh T – Chức vụ: Trưởng phòng khách hàng Hộ sản xuất và cá nhân - Ngân hàng NT – Chi nhánh Vĩnh Long (Giấy ủy quyền ngày 14/5/2019), có đơn xin vắng mặt.

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Kim T, sinh năm 1974; nơi cư trú: Số nhà 161, đường P, Phường B, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long, vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Lâm Hoàng S, sinh năm 1973; nơi cư trú: Số nhà 161, đường, Phường B, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long, vắng mặt.

2. Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1941.
3. Ông Nguyễn Văn K, sinh năm 1953.
4. Bà Huỳnh Thị G, sinh năm 1966.
5. Anh Nguyễn Huỳnh T, sinh năm 1989.
6. Ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1968.
7. Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1969.
8. Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1999.
9. Ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1971.
10. Bà Trương Mỹ T, sinh năm 1971
11. Chị Nguyễn Trương Mỹ P, sinh năm 2000.
12. Ông Nguyễn Văn A, sinh năm 1972.
13. Ông Nguyễn Thành L, sinh năm 1993.
14. Bà Bùi Kim H, sinh năm 1958.
15. Ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1974.
16. Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1977.
17. Bà Nguyễn Thị Hồng Đ.
18. Bà Nguyễn Thị T.
19. Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1984.
20. Ông Phạm Văn T, sinh năm 1975.
21. Bà Lê Thị T, sinh năm 1973.
22. Chị Phạm Thị Anh T, sinh năm 1994.
23. Chị Bùi Thị Kim H, sinh năm 1998.
24. Bà Biện Thị Kim C, sinh năm 1978.
25. Bà Phạm Hồng E, sinh năm 1958.
26. Anh Trần Chí L, sinh năm 1983.
27. Bà Lưu Thị Kim M, sinh năm 1976.
28. Ông Phạm Văn T, sinh năm 1949.
29. Bà Trần Thị C, sinh năm 1955.
30. Chị Lưu Thị Kiều N, sinh năm 1982.
31. Ông Lưu Quốc V, sinh năm 1978.

32. Anh Lưu Quốc T, sinh năm 1981.

Cùng nơi cư trú: Ấp R, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

(Các đương sự Lâm Hoàng S, Nguyễn Văn C, Trương Mỹ T, Nguyễn Trương Mỹ P, Nguyễn Thị Hồng Đ, Nguyễn Thị T và Bùi Thị Kim H vắng mặt; các đương sự còn lại có đơn xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 07 tháng 3 năm 2019, Ngân hàng NT Việt Nam trình bày: Năm 2016 bà Nguyễn Thị Kim T có ký hợp đồng tín dụng số: 7300-LAV-201101527/HĐTD ngày 26/8/2011, vay của Ngân hàng NT Việt Nam - Chi nhánh Vĩnh Long số tiền 1.400.000.000 đồng, mục đích vay để mua Sà lan vận chuyển cát. Trong quá trình thực hiện hợp đồng bà T đã vi phạm hợp đồng là trả nợ không đúng theo thỏa thuận đã ký. Tính đến ngày 28/4/2021, bà T còn nợ Ngân hàng NT Việt Nam tổng số tiền 3.019.644.444 đồng, trong đó nợ gốc 1.400.000.000 đồng; nợ lãi trong hạn 1.303.769.444 đồng, lãi quá hạn 315.875.000 đồng.

Việc vay nợ bà T có thế chấp tài sản là Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BC 651147 và BC 651148, cấp ngày 17/9/2010 do UBND huyện C, tỉnh Trà Vinh cấp cho bà T (đất tọa lạc tại ấp R, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh). Theo Hợp đồng thế chấp tài sản số: 26082011.01 ngày 26/8/2011 và tài sản khác là 01 chiếc Sà lan tự hành vỏ thép, số đăng ký VL 10096, theo Hợp đồng thế chấp tài sản số: 26082011.02 ngày 26/8/2011. Các Hợp đồng thế chấp tài sản có ông Lâm Hoàng S (chồng bà T) đồng ký tên bảo đảm thế chấp.

Nay Ngân hàng NT Việt Nam yêu cầu bà Nguyễn Thị Kim T trả cho Ngân hàng NT Việt Nam các khoản tiền như sau: Tiền nợ gốc tính đến ngày 28/4/2021 là 1.400.000.000 đồng; nợ lãi trong hạn 1.303.769.444 đồng, lãi quá hạn 315.875.000 đồng. Đồng thời yêu cầu bà T tiếp tục tính lãi suất phát sinh theo hợp đồng đã ký từ ngày 29/4/2021 đến khi thanh toán xong phần nợ gốc.

Trường hợp bà T không thực hiện nghĩa vụ, yêu cầu được xử lý tài sản thế chấp theo các hợp đồng thế chấp như đã nêu trên để thu hồi nợ.

Bà Nguyễn Thị Kim T (bị đơn), ông Lâm Hoàng S (người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan). Từ khi Tòa án thụ lý vụ án, đã thông báo cho ông, bà nhưng ông, bà không có ý kiến gì, Tòa án tiến hành mời hòa giải ông, bà không đến tham gia (không hợp tác), Tòa án tiến hành đưa vụ án ra xét xử, đã tống đạt hợp lệ cho ông, bà đủ hai lần theo quy định nhưng ông, bà cũng không đến tham dự.

Tại đơn yêu cầu độc lập ngày 25/9/2019 ông Nguyễn Văn C (người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan) có trình bày: Ông có thỏa thuận ký Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho bà Nguyễn Thị Kim T đối với hai thửa đất số 64 và 65, tờ bản đồ 25, tọa lạc tại ấp R, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh, mục đích để hợp

thức hóa cho bà T vay vốn ngân hàng, vì vậy giữa ông và bà T có ký thỏa thuận riêng là thuê đất thời hạn 05 năm với số tiền 20.000.000 đồng. Đất ông ký cho bà T là đất ông đứng tên hộ gồm: Nguyễn Thị N (mẹ ông) và các anh, chị, em Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn K, Nguyễn Văn L, Nguyễn Văn A, Nguyễn Văn T, ông không hiểu biết về giấy tờ chỉ ký tên còn thủ tục bà T đi làm. Khi hết thời gian thuê bà T không trả lại đất vì đã cầm cố cho ngân hàng, nay ông yêu cầu vô hiệu Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông và bà T để trả đất lại cho gia đình ông, yêu cầu vô hiệu hợp đồng thế chấp giữa bà T và Ngân hàng.

Đối với ông Phạm Văn T (người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan) có yêu cầu độc lập. Tuy nhiên ngày 18/12/2020, ông đã rút toàn bộ yêu cầu độc lập theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 217 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Các đương sự có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan khác (đang sinh sống chung hộ) có đơn xin vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng NT Việt Nam, vì việc vay tiền của bà T là có thật, bị đơn đã vi phạm hợp đồng, nên Ngân hàng kiện yêu cầu bị đơn thực hiện nghĩa vụ trả nợ là có căn cứ, đề nghị buộc bị đơn phải chịu án phí và chi phí tố tụng theo quy định. Đồng thời, đình chỉ phần yêu cầu độc lập của ông Phạm Văn T vì đương sự rút yêu cầu; đình chỉ phần yêu cầu độc lập của ông Nguyễn Văn C vì đương sự đã được triệu tập hợp lần thứ 2 vắng mặt không lý do.

XÉT THẤY:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Bà Nguyễn Thị Kim T đứng tên hộ kinh doanh vận tải hàng hóa đường thủy theo Giấy CNĐKKD số: 54.A.8008959, đăng ký ngày 08/8/2001 do Phòng Tài chính - Kế hoạch thành phố V cấp, có địa chỉ Trụ sở kinh doanh tại: Số 161, đường P, Phường B, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long và nơi ký kết, thực hiện Hợp đồng tín dụng là tại thành phố V (Ngân hàng NY Việt Nam - Chi nhánh Vĩnh Long), việc ký kết hợp đồng Ngân hàng thực hiện cho vay là đúng theo quy định tại các Điều 91, 95, 98 của Luật các tổ chức tín dụng. Ngày 26/8/2011, bà T có ký hợp đồng tín dụng số: 7300-LAV-201101527/HĐTD, vay vốn của Ngân hàng NT Việt Nam số tiền 1.400.000.000 đồng, trong quá trình thực hiện hợp đồng bên bà T đã vi phạm hợp đồng, thực hiện nghĩa vụ trả nợ không đúng theo thỏa thuận đã ký, nên Ngân hàng kiện yêu cầu bà T có trách nhiệm trả nợ đã vay cùng tiền lãi phát sinh.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 và điểm g khoản 1 Điều 40 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh Vĩnh Long, Tòa án nhân dân thành phố V thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng quy định của pháp luật và quan hệ pháp luật được xác định "*Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản*".

Giao dịch dân sự giữa Ngân hàng NT Việt Nam và bà T được xác lập trước ngày Bộ luật Dân sự năm 2015 có hiệu lực pháp luật, nhưng có nội dung và hình thức phù hợp với Bộ luật Dân sự năm 2015. Tại điểm b khoản 1 Điều 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015 có quy định "*Giao dịch dân sự chưa được thực hiện hoặc đang được thực hiện mà có nội dung và hình thức phù hợp với Bộ luật này thì áp dụng quy định của Bộ luật này*", do đó, áp dụng Bộ luật Dân sự năm 2015 để giải quyết vụ kiện nêu trên là phù hợp theo quy định của pháp luật. Đồng thời, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (ông S, ông C) đã được triệu tập hợp lệ lần thứ 2 vắng mặt không lý do; các đương sự có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan khác có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt; nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, nên áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn và các đương sự có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là đúng quy định của pháp luật.

[2] Căn cứ vào Hợp đồng tín dụng số: 7300-LAV-201101527/HĐTD, ngày 26/8/2011 do Ngân hàng cung cấp, thể hiện bà T có ký Hợp đồng vay của Ngân hàng NT Việt Nam - Chi nhánh Vĩnh Long số tiền 1.400.000.000 đồng. Để đảm bảo cho việc vay nợ thì bà T, ông S (chồng bà T) đã ký Hợp đồng thế chấp tài sản số: 26082011.01 ngày 26/8/2011 và Hợp đồng thế chấp tài sản số: 26082011.02 ngày 26/8/2011, tài sản thế chấp gồm: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BC 651147; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BC 651148, do UBND huyện C, tỉnh Trà Vinh cấp cho bà T ngày 17/9/2010, đất tọa lạc tại ấp R, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh và 01 chiếc Sà lan tự hành vỏ thép, số đăng ký VL 10096.

Theo chứng cứ do Ngân hàng cung cấp cho thấy, trong quá trình thực hiện hợp đồng bà T đã vi phạm việc trả nợ vay không đúng theo thỏa thuận của hợp đồng đã ký. Tính đến ngày 28/4/2021 bà T còn nợ Ngân hàng tổng số tiền 3.019.644.444 đồng, trong đó nợ gốc 1.400.000.000 đồng; nợ lãi trong hạn 1.303.769.444 đồng, lãi quá hạn 315.875.000 đồng. Vì vậy, việc Ngân hàng NT Việt Nam kiện yêu cầu bà T trả số nợ nêu trên (gồm nợ gốc, nợ lãi) là có cơ sở chấp nhận, đúng với quy định tại các Điều 463; 464; 465; 466 và 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[3] Xét yêu cầu của Ngân hàng NT Việt Nam, yêu cầu được xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ nếu bà Nguyễn Thị Kim Thoa không thực hiện nghĩa vụ trả nợ là có căn cứ chấp nhận. Do đó, Ngân hàng NT Việt Nam được quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp vừa nêu để thu hồi nợ nếu bà T không thực hiện nghĩa vụ trả nợ.

[4] Đối với yêu cầu độc lập của ông Nguyễn Văn C, về việc yêu cầu vô hiệu Hợp đồng chuyển nhượng đất giữa bà Nguyễn Thị Kim T và ông Nguyễn Văn C ký ngày 10/9/2010. Tuy nhiên, ông C đã được triệu tập hợp lệ lần thứ 2 vắng mặt không rõ lý do, ông không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, xem như từ bỏ yêu cầu khởi kiện, nên áp dụng điểm d khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, đình chỉ

phần yêu cầu độc lập của ông Nguyễn Văn C và ông phải chịu án phí theo quy định, ông C được quyền khởi kiện lại theo quy định của pháp luật.

[5] Đình chỉ phần yêu cầu độc lập của ông Nguyễn Văn T, vì đương sự rút yêu cầu theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 217 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khi giải quyết vụ án ông T có yêu cầu đo đạc, định giá, xét yêu cầu là cần thiết nên Tòa án tiến hành thực hiện theo yêu cầu của ông T, với số tiền chi phí 2.756.722 đồng, Ông rút yêu cầu thì Ông phải chịu số tiền nêu trên theo quy định tại khoản 4 Điều 153; khoản 4 Điều 165 của Bộ luật Tố tụng dân sự, ông T đã nộp đủ không phải nộp thêm.

[6] Trong quá trình giải quyết vụ án, theo yêu cầu của nguyên đơn và xét thấy việc xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản là cần thiết cho việc giải quyết vụ án, nên Tòa án đã tiến hành việc xem xét, thẩm định tại chỗ với số tiền chi phí 2.000.000 đồng, số tiền này buộc bị đơn phải chịu vì yêu cầu của Ngân hàng được chấp nhận, Ngân hàng đã tạm nộp trước, áp dụng Điều 155; khoản 1 Điều 156; khoản 1 Điều 158 và khoản 1 Điều 166 của Bộ luật Tố tụng dân sự, buộc bị đơn nộp lại số tiền nêu trên để trả lại cho Ngân hàng là đúng quy định.

[7] Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận, nên bị đơn phải chịu án phí theo quy định tại khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, số tiền bị đơn phải nộp 92.393.000 đồng.

[8] Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ; đề nghị đình chỉ yêu cầu độc lập của ông Phạm Văn T và ông Nguyễn Văn C là có cơ sở. Đồng thời, khi phát biểu quan điểm về tố tụng Kiểm sát viên có ý kiến, từ khi thụ lý vụ án Thẩm phán đã tuân thủ đầy đủ những quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tuân thủ đúng trình tự thủ tục quy định tại phiên tòa, người tham gia tố tụng chấp hành tốt những quy định của pháp luật về tố tụng, vụ án được xét xử đúng hạn luật định.

Vì các lẻ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm g khoản 1 Điều 40; khoản 1 Điều 147; khoản 4 Điều 153; Điều 155; khoản 1 Điều 156; khoản 1 Điều 158; khoản 4 Điều 165; khoản 1 Điều 166; điểm c khoản 1 Điều 217; điểm b, d khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 124; 463; 464; 465; 466; 468 và 688 của Bộ luật Dân sự;

Áp dụng Điều 91, 95 và 98 của Luật các Tổ chức tín dụng;

Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Về nội dung: Chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng NT Việt Nam. Buộc bà Nguyễn Thị Kim T có trách nhiệm trả cho Ngân hàng NT Việt Nam tổng số tiền tính đến ngày 28/4/2021 như sau:

- Nợ tiền gốc 1.400.000.000 đồng (*Một tỉ bốn trăm triệu đồng*);

- Nợ tiền lãi trong hạn 1.303.769.444 đồng (*Một tỉ ba trăm lẻ ba triệu bảy trăm sáu mươi chín ngàn bốn trăm bốn mươi bốn đồng*);

- Nợ tiền lãi quá hạn 315.875.000 đồng (*Ba trăm mười lăm triệu tám trăm bảy mươi lăm ngàn đồng*);

Tổng cộng bằng 3.019.644.444 đồng *(Ba tỉ không trăm mười chín triệu sáu trăm bốn mươi bốn ngàn bốn trăm bốn mươi bốn đồng)*.

- Kể từ ngày 29/4/2021 bà Nguyễn Thị Kim T còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc của Hợp đồng tín dụng số: 7300-LAV-201101527/HĐTD, ngày 26/8/2011.

Trường hợp Hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng NT Việt Nam, thì lãi suất mà bà T phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng NT Việt Nam theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng NT Việt Nam.

- Ngân hàng NT Việt Nam được quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ nếu bà Nguyễn Thị Kim T không thực hiện nghĩa vụ trả nợ; tài sản thế chấp gồm: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BC 651147 và BC 651148, cấp ngày 17/9/2010 do UBND huyện C, tỉnh Trà Vinh cấp cho bà T (đất tọa lạc tại ấp R, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh), theo Hợp đồng thế chấp tài sản số: 26082011.01 ngày 26/8/2011 và 01 chiếc Sà lan tự hành vỏ thép, số đăng ký VL 10096, theo Hợp đồng thế chấp tài sản số: 26082011.02 ngày 26/8/2011.

* Đình chỉ phần yêu cầu độc lập của ông Nguyễn Văn C (đương sự được triệu tập hợp lệ lần thứ 2 vắng mặt không lý do), đương sự được quyền khởi kiện lại vụ án theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

* Đình chỉ phần yêu cầu độc lập của ông Nguyễn Văn T, về việc yêu cầu công nhận quyền sử dụng đất (đương sự rút yêu cầu); đương sự được quyền khởi kiện lại vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 218 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

2. Về án phí và chi phí tố tụng:

- Buộc bà Nguyễn Thị Kim T nộp 92.393.000 đồng (*Chín mươi hai triệu ba trăm chín mươi ba ngàn đồng),* tiền án phí sơ thẩm.

- Ngân hàng NT Việt Nam không phải chịu án phí, số tiền tạm ứng án phí đã nộp 62.161.000 đồng *(Sáu mươi hai triệu một trăm sáu mươi mốt ngàn đồng)* tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố V, theo biên lai thu tiền số 0004543 ngày 07/5/2019 được hoàn trả lại cho Ngân hàng NT Việt Nam.

- Số tiền tạm ứng án phí ông Nguyễn Văn C đã nộp 300.000 đồng *(Ba trăm ngàn đồng)* tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố V, theo biên lai thu tiền số 0004917 ngày 25/9/2019, được sung vào công quỹ nhà nước.

- Số tiền tạm ứng án phí ông Phạm Văn T đã nộp 600.000 đồng *(Sáu trăm ngàn đồng)* tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố V, theo biên lai thu tiền số 0004803 ngày 16/8/2019 được hoàn trả cho ông T.

- Buộc bà Nguyễn Thị Kim T nộp 2.000.000 đồng (*Hai triệu đồng*) tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, số tiền này được trả lại cho Ngân hàng NT Việt Nam.

- Buộc ông Nguyễn Văn T phải chịu 2.756.722 đồng (*Hai triệu bảy trăm năm mươi sáu ngàn bảy trăm hai mươi hai đồng*) tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản, ông T đã nộp đủ không phải nộp thêm.

3. Về quyền kháng cáo:

Án xử công khai, nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn là 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)
Hồ Thanh Hồng

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND TP V;
- CC THADS TP V;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.